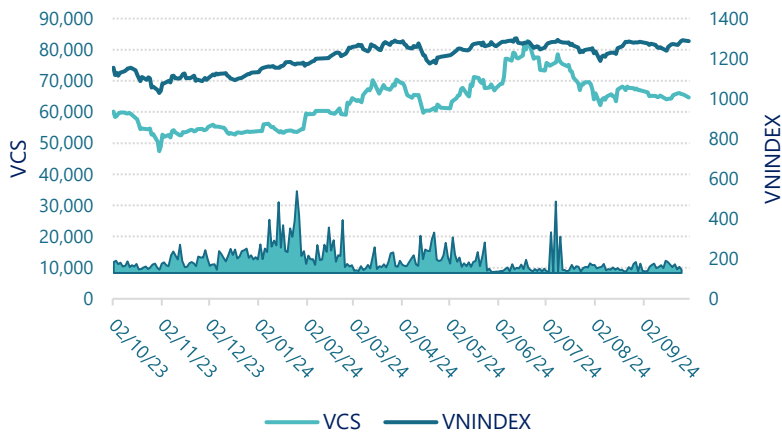




CTCP Vicostone (HNX: VCS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	64,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	82,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	47,402
SL cổ phiếu LH	160,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	116,270
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10,352
P/E	12.1
EPS	5,343

DT thuần
Q3/24

972

tỷ VNĐ

QoQ: ▼202| -17.2%

YoY: ▼56.0| -5.5%

LN sau thuế
Q3/24

162

tỷ VNĐ

QoQ: ▼89.0| -35.5%

YoY: ▼33.0| -16.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24

20.3%

+/- YoY: ▼ 3.4%

DT thuần
9T 2024

3,220

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0| 0.6%

LN sau thuế
9T 2024

618

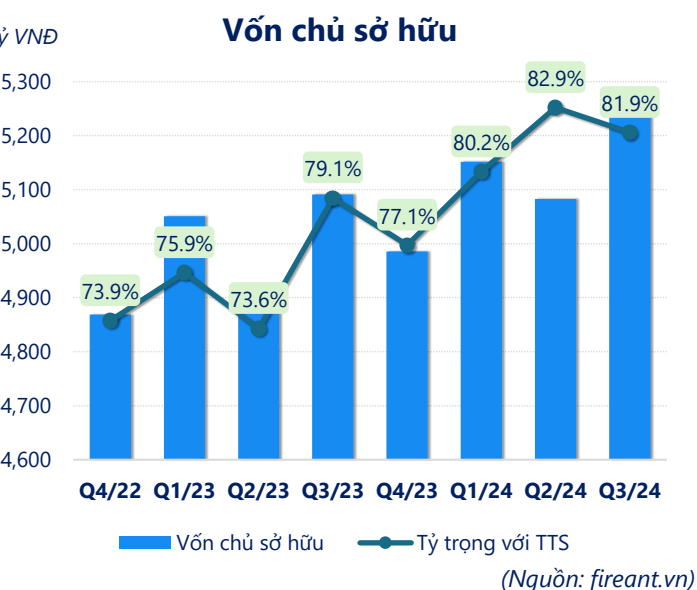
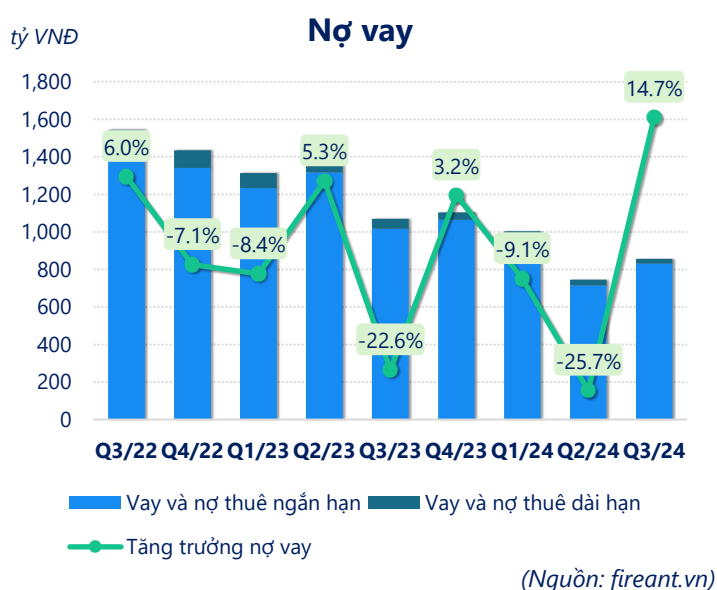
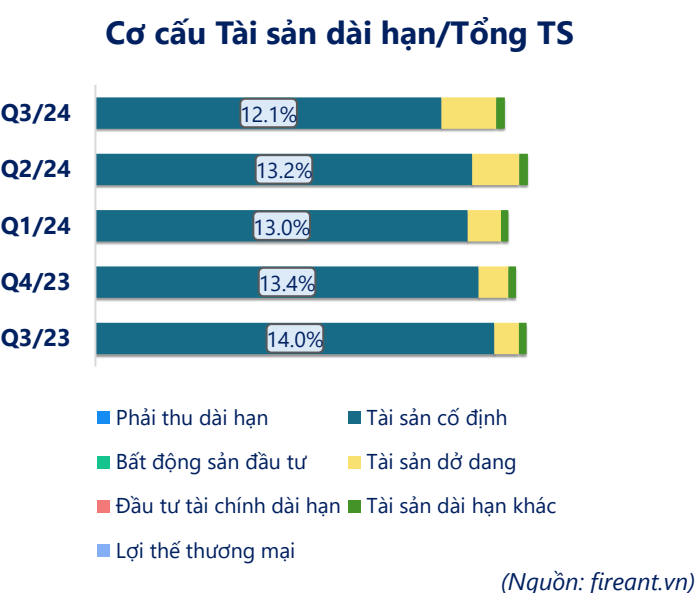
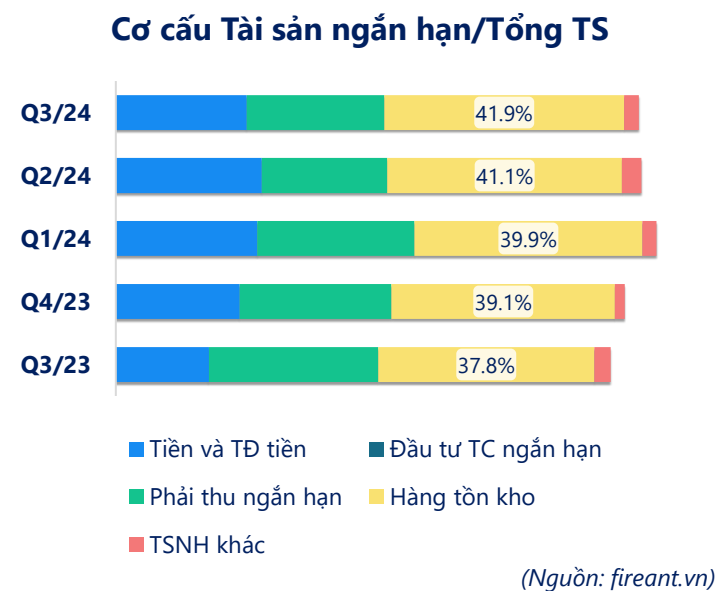
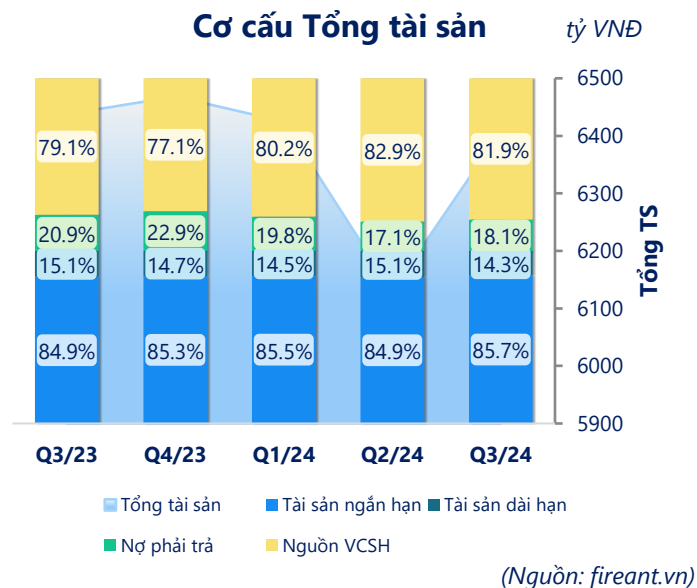
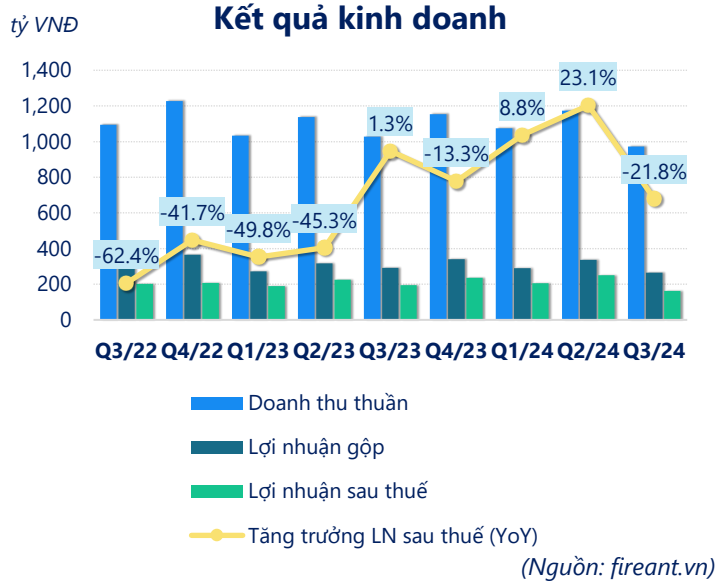
tỷ VNĐ

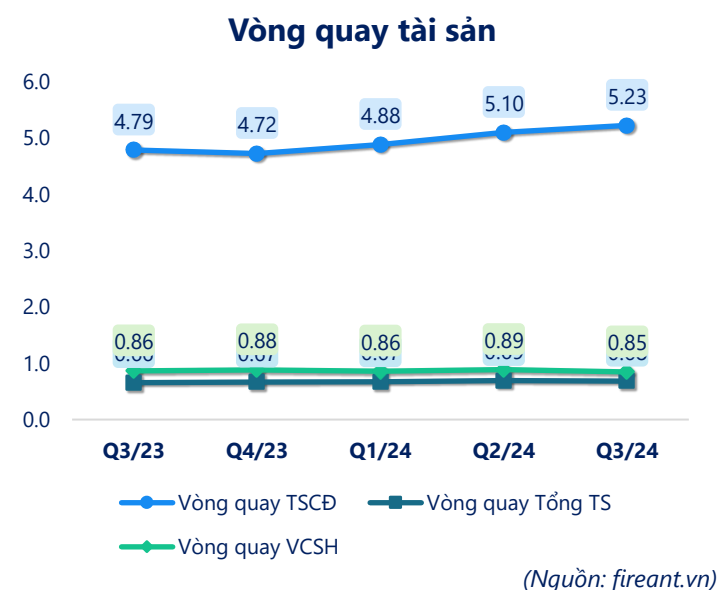
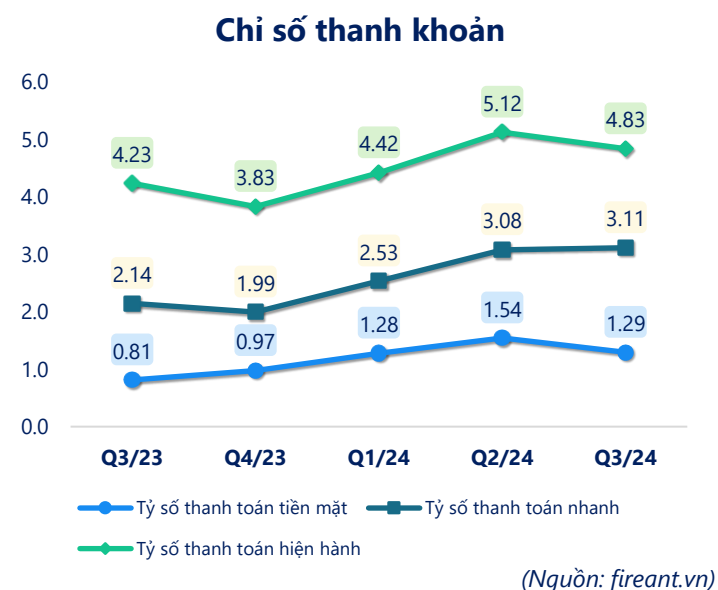
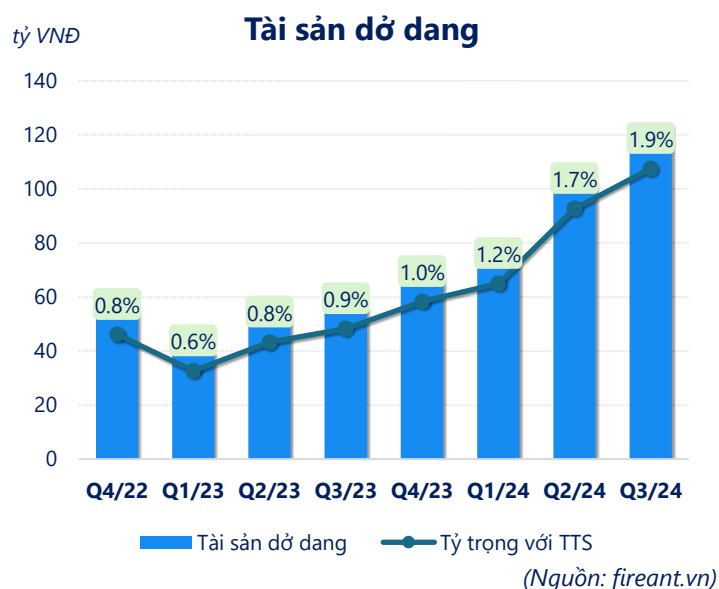
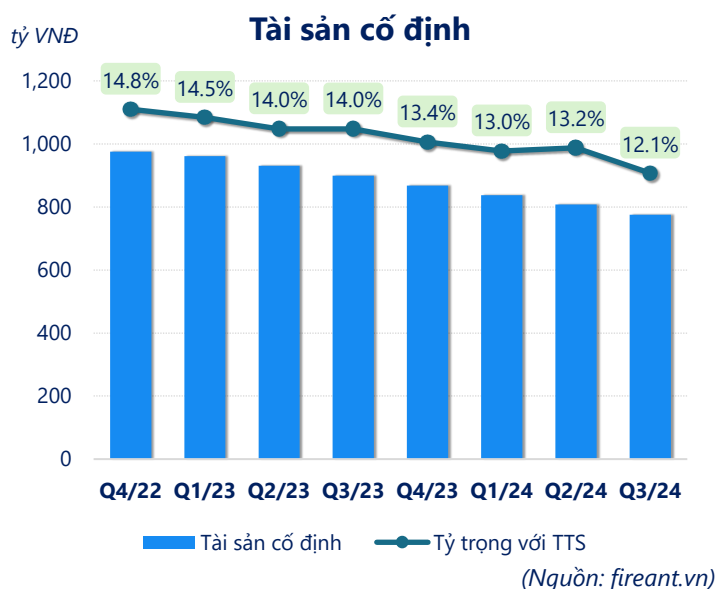
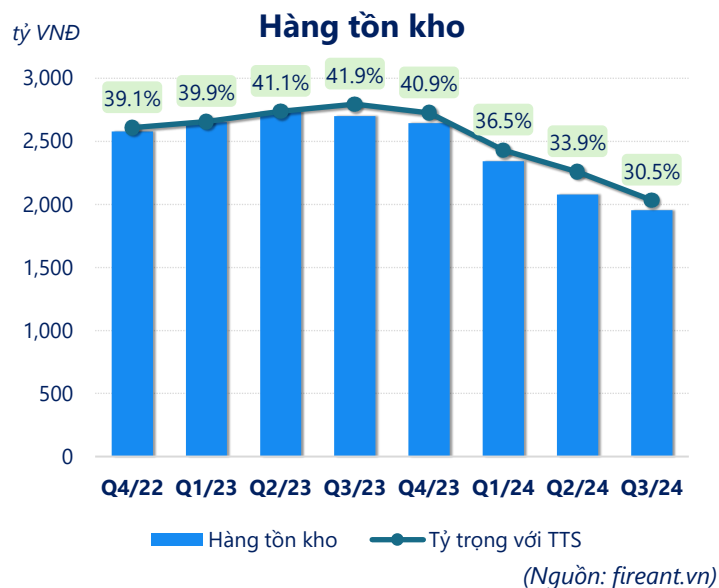
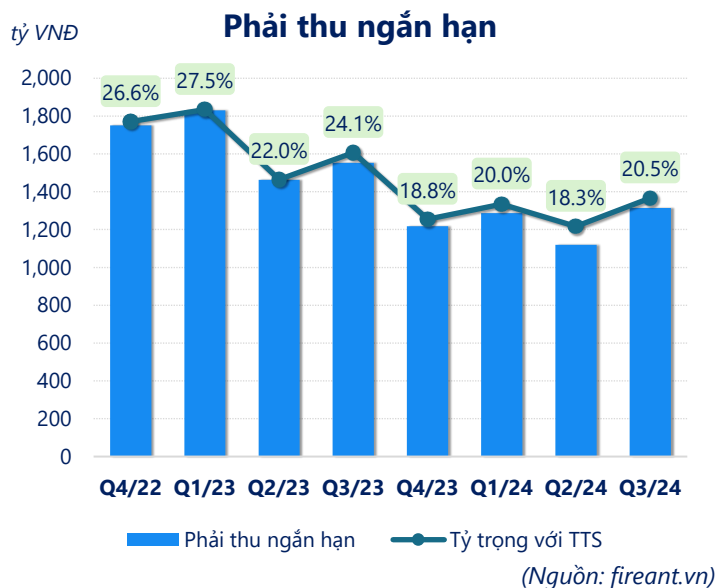
YoY: ▲ 9.00| 1.4%

ROE
Q3/24

16.5%

+/- YoY: ▲ 0.6%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	6,437	6,468	6,425	6,131	6,407
Tài sản ngắn hạn	5,466	5,516	5,496	5,203	5,489
Tiền và tương đương tiền	1,049	1,403	1,590	1,566	1,467
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	47.7	47.7	380	670
Phải thu ngắn hạn	1,552	1,217	1,286	1,119	1,314
Hàng tồn kho	2,699	2,644	2,342	2,077	1,954
Tài sản ngắn hạn khác	166	204	229	60.2	84.0
Tài sản dài hạn	972	952	928	928	918
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.84	0.84
Tài sản cố định	899	868	837	807	775
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	55.5	67.3	74.6	102	123
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	17.4	17.4	16.4	18.2	18.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,346	1,482	1,273	1,048	1,163
Nợ ngắn hạn	1,291	1,441	1,245	1,016	1,136
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,017	1,064	977	715	831
Phải trả người bán ngắn hạn	62.9	118	80.9	109	113
Nợ dài hạn	55.0	41.7	28.4	32.3	26.9
Vay và nợ thuê dài hạn	53.2	39.9	26.6	30.5	25.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,091	4,986	5,151	5,083	5,244
Vốn chủ sở hữu	5,091	4,986	5,151	5,083	5,244
Vốn điều lệ	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)